

# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ TÀI CHÍNH

Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017  
hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016  
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm

(Tiếp theo Công báo số 453 + 454)



















Mẫu số 4A-NT  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO**  
**TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG TOÁN HỌC BẢO HIỂM NHÂN THỌ**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....  
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng toán học trích lập tăng trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập giảm trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập trong kỳ		Dự phòng toán học phải trích lập cuối kỳ
		HD khai thác mới	HD tái tục	HD khai thác mới	HD tái tục	HD khai thác mới	HD tái tục	
	(1)	(2)		(3)		(4)=(2)-(3)		(5)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... <b>Cộng:</b>								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**  
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.
- “Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ”: số dư đầu kỳ của dự phòng toán học đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4B-NT  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO**  
**TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHÍ CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....  
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng phí chưa được hưởng phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng phí chưa được hưởng trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
1. Bảo hiểm tử kỳ - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 2....  <b>Cộng:</b>			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**  
(Ký, họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

- “Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ”: số dư đầu kỳ của dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập kỳ trước.

**Mẫu số 4C-NT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

**I/ Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... <p style="text-align: center;"><i>Cộng</i></p>			

**II/ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường**

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... <p style="text-align: center;"><i>Cộng</i></p>			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**  
(Ký, họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại từng sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm

Mẫu số 4D-NT  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

### BÁO CÁO TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CHIA LÃI

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....  
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến.....

#### I/ Dự phòng cho phần lãi đã công bố

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng chia lãi đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng chia lãi phải trích lập cuối kỳ	Lãi chia đã thanh toán trong kỳ	Trích lập dự phòng chia lãi trong kỳ
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)+(2)-(1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... <b>Cộng:</b>				

#### Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm

#### II/ Dự phòng cho phần lãi chưa công bố

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng chia lãi đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng chia lãi phải trích lập cuối kỳ	Lãi chia đã thanh toán trong kỳ	Trích lập dự phòng chia lãi trong kỳ
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)+(2)-(1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... <b>Cộng:</b>				

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN  
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
(Ký và đóng dấu)

#### Ghi chú:

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

Mẫu số 4E-NT  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO**  
**TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BẢO ĐẢM LÃI SUẤT CAM KẾT**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....  
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng lãi suất cam kết đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng lãi suất cam kết đã trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng lãi suất cam kết trong kỳ
	(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2.... <b>Cộng:</b>			

**Ghi chú:**

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**  
(Ký, họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

**Mẫu số 4G-NT**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư  
 số 50/2017/TT-BTC  
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO**  
**TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BẢO ĐẢM CÂN ĐỐI**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....  
 - Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay	Tăng (giảm)
	(1)	(2)	(3) = (2) – (1)
Lợi nhuận trước thuế			
Dự phòng bảo đảm cân đối			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**  
 (Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
 (Ký và đóng dấu)









**Mẫu số 6-NT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

### BÁO CÁO KHẢ NĂNG THANH TOÁN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....  
- Báo cáo tháng, quý (năm)..... từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả			
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán			
- Tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, tiền đang chuyển, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không hạn chế		0%	
- Các tài sản tương ứng với các hợp đồng bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí tự nguyện		0%	
- Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm)		0%	
- Tạm ứng từ giá trị hoàn lại.		0%	
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán			
a) Các tài sản đầu tư:			
+ Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo		1%	
+ Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm		3%	
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ		15%	
+ Cổ phiếu không được niêm yết		20%	
+ Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng		8%	
+ Đầu tư vào bất động sản cho thuê		15%	
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm từ nguồn vốn chủ sở hữu)		20%	
b) Các khoản phải thu:			
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm		30%	
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật		50%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm: loại trừ 30%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%		30%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: loại trừ 50%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%;		50%	
c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho		25%	
d) Tài sản khác.		15%	

4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán:			
a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác từ nguồn vốn chủ sở hữu		100%	
b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật		100%	
c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất		100%	
d) Chi phí trả trước, các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ		100%	
đ) Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 02 năm trở lên		100%	
e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 2 năm trở lên		100%	
g) Các khoản đầu tư trở lại cho cổ động (thành viên) góp vốn hoặc người có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng		100%	
h) Các khoản đầu tư gián tiếp nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực		100%	
i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật		100%	
k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm		100%	
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp			
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu			
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 5 năm trở xuống			
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm			
7. So sánh 5 và 6:			- Theo số tuyệt đối - Theo tỷ lệ %

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**      **CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**      **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
*(Ký, họ tên)*                      *(Ký, họ tên)*                      *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**BÁO CÁO ASEAN**

**Mẫu số 7-NT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....  
- Báo cáo năm..... từ..... đến.....

**I. BÁO CÁO NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM**

Đơn vị: nghìn USD

Tiêu chí	Số lượng hợp đồng	Số lượng chứng nhận bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm
<b>A. HỢP ĐỒNG KHAI THÁC MỚI</b>			
1. Các hợp đồng không phải là bảo hiểm trả tiền định kỳ			
a) Bảo hiểm cá nhân			
i. Bảo hiểm tử kỳ			
ii. Bảo hiểm khác			
iii. Bảo hiểm liên kết đầu tư			
b) Bảo hiểm nhóm			
TỔNG SỐ			
2. Bảo hiểm trả tiền định kỳ			
<b>B. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CÓ HIỆU LỰC</b>			
1. Các hợp đồng không phải là bảo hiểm trả tiền định kỳ			
a) Bảo hiểm cá nhân			
i. Bảo hiểm tử kỳ			
ii. Bảo hiểm khác			
iii. Bảo hiểm liên kết đầu tư			
b) Bảo hiểm nhóm			
TỔNG SỐ			
2. Bảo hiểm trả tiền định kỳ			

**II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: nghìn USD

TÀI SẢN	Số tiền	CÔNG NỢ VÀ NGUỒN VỐN	Số tiền
Trái phiếu chính phủ		Vốn và các quỹ	
Tài sản cố định		Vốn điều lệ đã góp	
Bất động sản		Các quỹ	
Đầu tư vào bất động sản		Dự phòng đánh giá lại tài sản	
Tài sản cố định khác		Thặng dư quỹ chủ hợp đồng chưa chia	
Cho vay thế chấp		Dự phòng nghiệp vụ	
Chứng khoán doanh nghiệp có lãi suất cố định		Dự phòng toán học	
Cổ phiếu và các chứng khoán khác		Dự phòng phí	
Cho vay theo hợp đồng bảo hiểm		Dự phòng bồi thường	
Các khoản cho vay khác		Dự phòng khác	
Tiền		Thấu chi ngân hàng	
Tiền gửi ngân hàng		Bồi thường phải trả	
Tiền mặt và tài khoản thanh toán		Nợ thuế	
Các khoản đầu tư khác		Chi phí bảo hiểm dồn tích	
Thuế được hoàn trả		Đặt cọc phí bảo hiểm	
Phải thu phí bảo hiểm			
Phải thu từ DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm		Phải trả DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm	
Các tài sản khác		Công nợ khác	
<b>Tổng tài sản</b>		<b>Tổng công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu</b>	

**III. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị: nghìn USD

<b>Mục</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số tiền</b>
1	Thu nhập phí bảo hiểm ròng	
2	Thu nhập đầu tư ròng	
3	Thu nhập khác	
4	Tổng (1+2+3)	
5	Quyền lợi bảo hiểm phát sinh a. Đáo hạn b. Tử vong c. Trả giá trị hoàn lại d. Trả tiền định kỳ đ. Khác	
6	Bảo tức trả chủ hợp đồng	
7	Tăng (giảm) dự phòng nghiệp vụ	
8	Tổng (5+6+7)	
9	Hoa hồng	
10	Thuế, phí và lệ phí	
11	Chi phí chung cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	
12	Chi phí khác	
13	Tổng (8+9+10+11+12)	
14	Thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh chưa tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (4-13)	
15	Lãi và lỗ từ vốn đã được thực hiện	
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
17	Cổ tức trả cho cổ đông	
18	Các khoản phân bổ khác	
19	Tổng (16+17+18)	
20	Thu nhập ròng đã tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (14+15-19)	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký và đóng dấu)









**III. Phân chia thặng dư**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quý chủ sở hữu	Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quý chủ sở hữu	Quý chủ hợp đồng tham gia chia lãi	Quý chủ sở hữu
1. Dự phòng chia lãi						
2. Dự phòng lãi chưa chia						
3. Lãi phải trả cho chủ hợp đồng trong năm						
4. Lãi đã trả cho chủ hợp đồng trong năm						
5. Chi khác						
6. Lãi chia cho chủ sở hữu: - Số tuyệt đối: - Số tương đối (bảng số tuyệt đối chia cho tổng số lãi đem đi chia cho chủ hợp đồng bảo hiểm):						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, họ tên)

**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**  
(Ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
(Ký, họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

....., ngày ..... tháng ..... năm.....



**Mẫu số 10-NT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO DOANH THU THEO KÊNH PHÂN PHỐI**

- Tên doanh nghiệp báo hiểm:.....
- Báo cáo tính đến quý (năm)..... từ..... đến.....

Cùng kỳ năm trước																						
Số lũy kế đến kỳ báo cáo				Doanh thu phí khai thác mới				Tổng doanh thu phí														
Doanh thu phí khai thác mới				Doanh thu phí khai thác mới				Tổng doanh thu phí														
Đại lý cá nhân	Kênh khác			Đại lý cá nhân	Kênh khác			Đại lý cá nhân	Kênh khác			Đại lý cá nhân	Kênh khác									
	Ngân hàng	Telemarke ting	Kênh phân phối khác (nếu rõ)		Ngân hàng	Telemarke ting	Kênh phân phối khác (nếu rõ)		Ngân hàng	Telemarke ting	Kênh phân phối khác (nếu rõ)		Ngân hàng	Telemarke ting	Kênh phân phối khác (nếu rõ)							

Ghi chú: Số liệu tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

**Mẫu số 11-NT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,  
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG**

- Tên doanh nghiệp:.....  
- Báo cáo tính đến quý (năm): từ..... đến.....

STT	Nội dung	Số lũy kế đến kỳ báo cáo			Cùng kỳ năm trước		
		Tên Địa điểm	Địa chỉ	Số lượng	Tên Địa điểm	Địa chỉ	Số lượng
1	Chi nhánh						
	Tổng số						
2	Văn phòng đại diện						
	Tổng số						
3	Trung tâm dịch vụ khách hàng/Địa điểm kinh doanh/Văn phòng Kinh doanh						
	Tổng số						
4	Mô hình khác (theo cơ cấu tổ chức của Doanh nghiệp)						
	Tổng số						

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)



**Mẫu số 13-NT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO CỦA CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....

- Thời kỳ báo cáo: Từ 01/01/năm... đến 31/12/năm...

### I. BÁO CÁO VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM

#### 1. Về cơ cấu sản phẩm:

1.1. Báo cáo về sản phẩm:

Tên sản phẩm	Tình trạng (* )	Tỷ trọng theo doanh thu (%)	Tỷ trọng theo số lượng hợp đồng khai thác mới (%)
1. Bảo hiểm trọn đời - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2....			

(\*): Tình trạng là một trong 3 tình trạng sau:

- Ngừng triển khai trong kỳ

- Mới triển khai trong kỳ

- Đang triển khai: đối với các sản phẩm đã bắt đầu triển khai từ những kỳ trước và vẫn tiếp tục được triển khai.

1.2. Nhận xét, đánh giá của Chuyên gia tính toán về sự thay đổi cơ cấu sản phẩm của doanh nghiệp trong kỳ.

**2. Đánh giá các giả định tính phí và tính dự phòng:**

Giả định tính phí

Tên sản phẩm	Giả định tính phí đang áp dụng				Thực tế tại doanh nghiệp				Chênh lệch giữa thực tế và giả định				Ghi chú
	Lãi suất	Bảng tỷ lệ từ vong	Chi phí	(..)(*)	Lãi suất	Bảng tỷ lệ từ vong	Chi phí	(..)(*)	Lãi suất	Bảng tỷ lệ từ vong	Chi phí	(..)(*)	
Sản phẩm A													
.....													

Giả định tính dự phòng

Tên sản phẩm	Các thay đổi đã được phê chuẩn trong năm (**)			Cơ sở tính dự phòng hiện tại			Ghi chú (***)
	Lãi suất	Bảng tỷ lệ từ vong	(..)(*)	Lãi suất	Bảng tỷ lệ từ vong	(..)(*)	
Sản phẩm A							
.....							

(\*): Các giả định khác

(\*\*): Các thay đổi trong giả định tính dự phòng đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trong năm và sẽ được áp dụng trong năm kế tiếp.

(\*\*\*) Phần ghi chú để trình bày cơ sở của các thay đổi này (ví dụ: trên cơ sở các thống kê từ tỷ lệ thực tế của công ty, các nghiên cứu, thống kê được công bố, các tỷ lệ cung cấp của công ty tái bảo hiểm...).

Nhận xét, đánh giá của chuyên gia tính toán về tính hợp lý của các giả định mới áp dụng.

**3. Doanh thu phí và tỷ lệ trả tiền bảo hiểm**

Tên sản phẩm	Tổng doanh thu phí trong kỳ (A)	Tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm trong kỳ (B)	Tỷ lệ B/A (%)
Sản phẩm A			
.....			



**II. BÁO CÁO VỀ PHÂN CHIA THẶNG DƯ**

	<b>Chủ sở hữu</b>	<b>Chủ hợp đồng chia lãi</b>	<b>Chủ hợp đồng không chia lãi</b>	<b>Quỹ liên kết chung</b>	<b>..... (* )</b>
Thặng dư phát sinh trong kỳ					
Thặng dư phân chia trong kỳ - Chủ hợp đồng - Chủ sở hữu					
Thặng dư giữ lại trong kỳ					
Tổng thặng dư giữ lại (số lũy kế đến cuối kỳ)					

(\*) Các quỹ khác theo nguyên tắc tách quỹ của doanh nghiệp

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về việc đảm bảo phân chia thặng dư theo nguyên tắc đã đăng ký với Bộ Tài chính và quy định của pháp luật.

**III. BÁO CÁO VỀ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp đầu kỳ (C):

- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp đầu kỳ (D):

- So sánh C và D ( theo số tuyệt đối và tỷ lệ C/D):

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp cuối kỳ (E):

- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp cuối kỳ (F):

- So sánh E/F:

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về khả năng thanh toán của doanh nghiệp và sự thay đổi biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

**IV. BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ**

- Chính sách, quy trình, và kiểm soát của công ty liên quan đến hoạt động đầu tư của các quỹ.

- Phương thức định giá tài sản cho từng loại hình tài sản đầu tư.

- Sự tương xứng về thời hạn, tính thanh khoản, và bản chất rủi ro giữa tài sản có và tài sản nợ của các quỹ.

	<b>Chủ hợp đồng chia lãi</b>	<b>Chủ hợp đồng không chia lãi</b>	<b>Quỹ liên kết chung</b>	<b>..... (* )</b>
Tổng tài sản				
Thời hạn trung bình của tài sản				
Tổng dự phòng				
Thời hạn trung bình còn lại của các hợp đồng đang có hiệu lực				

(\* ) Các quỹ khác theo nguyên tắc tách quỹ của doanh nghiệp

- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về mức độ hợp lý giữa thời hạn của tài sản đầu tư và mức trách nhiệm cam kết của doanh nghiệp.

- Mức độ sử dụng công cụ phái sinh tài chính (nếu có), và ảnh hưởng của công cụ phái sinh tài chính đến rủi ro đầu tư của các Quỹ.

- Kết quả đầu tư của từng Quỹ trong năm tài chính báo cáo.

Đối với các nội dung chính trên, Chuyên gia tính toán cần nêu ra ý kiến của mình về sự tương thích của chính sách đầu tư hiện hành với bản chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong từng quỹ. Nếu Chuyên gia tính toán nhận thấy chính sách hiện hành không thích hợp, Chuyên gia tính toán cần nêu ra đề xuất để khắc phục.

Tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..., ngày .... tháng... năm...

**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**

(Ký và ghi rõ tên)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THÁNG

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:..... từ..... đến.....  
 - Báo cáo tháng:.....

**Mẫu số 1-SK**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư  
 số 50/2017/TT-BTC  
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghị quyết bảo hiểm	Hợp đồng khai thác mới						Số lượng hợp đồng có hiệu lực	Số thành viên được BH có hiệu lực		Tổng doanh thu phí bảo hiểm		Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu lũy kế từ đầu năm	Trả tiền bảo hiểm		
		Số lượng hợp đồng			Số thành viên được bảo hiểm				Phí bảo hiểm	Lũy kế	Trong tháng	Cùng kỳ năm trước			Lũy kế	Cùng kỳ năm trước
		Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước	Trong tháng	Lũy kế	Cùng kỳ năm trước									
1	Bảo hiểm tai nạn con người															
2	Bảo hiểm y tế															
3	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe															
	<b>Tổng cộng</b>															

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
 (Ký và đóng dấu)

**Ghi chú:** Phí khai thác mới bao gồm: phí bảo hiểm định kỳ năm đầu + phí bảo hiểm đóng 1 lần. Số liệu này tương đương với số liệu ghi nhận tại tài khoản doanh thu phí bảo hiểm năm đầu của bộ phận kế toán.



B	Hợp đồng có hiệu lực	Số lượng hợp đồng	Số lượng thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại	Số lượng hợp đồng	Số thành viên được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng bình quân	Thời hạn hợp đồng còn lại bình quân	Số tiền bảo hiểm	Phí bảo hiểm gốc	Phí giữ lại
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người - <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>														
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế - <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>														
3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe - <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>														
	<b>TỔNG CỘNG</b>														

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

**Ghi chú:**

1. Thời hạn hợp đồng bình quân được tính tương ứng với từng sản phẩm = Tổng thời hạn hợp đồng của các hợp đồng thuộc 1 sản phẩm/tổng số lượng hợp đồng thuộc sản phẩm đó;
2. Tuổi người được bảo hiểm bình quân tính tại thời điểm giao kết hợp đồng;
3. Cột số lượng thành viên trong nhóm chỉ áp dụng cho sản phẩm bảo hiểm nhóm;
4. Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.

**Mẫu số 3-SK**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỦY BỎ, CHẤM DỨT, ĐÁO HẠN VÀ CHI TRẢ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SỨC KHỎE**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: ..... từ ..... đến .....

- Báo cáo tháng: .....

	Số lũy kế đến kỳ báo cáo						Cùng kỳ năm trước					
	Năm hợp đồng thứ 1	Năm hợp đồng thứ 2	Năm hợp đồng thứ 3 +	Năm hợp đồng thứ 1	Năm hợp đồng thứ 2	Năm hợp đồng thứ 3 +	Năm hợp đồng thứ 1	Năm hợp đồng thứ 2	Năm hợp đồng thứ 3 +	Năm hợp đồng thứ 1	Năm hợp đồng thứ 2	Năm hợp đồng thứ 3 +
	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoán khác	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoán khác	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoán khác	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoán khác	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoán khác	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoán khác	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoán khác	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoán khác	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoán khác	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoán khác	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoán khác	A. Hoàn phí/B. Trả tiền bảo hiểm/C. Giá trị hoàn lại/D. Đảo hạn/E. Khoán khác
	Số lượng hợp đồng	Số lượng hợp đồng	Số lượng hợp đồng	Số lượng hợp đồng	Số lượng hợp đồng	Số lượng hợp đồng	Số lượng hợp đồng	Số lượng hợp đồng	Số lượng hợp đồng	Số lượng hợp đồng	Số lượng hợp đồng	Số lượng hợp đồng
<b>A</b>	<b>Hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ trong thời gian cần nhắc</b>											
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người - <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>											
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế - <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>											
3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe - <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>											
	<b>TỔNG MỤC A</b>											
<b>B</b>	<b>Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt do xảy ra sự kiện bảo hiểm</b>											
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người - <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>											



E	Nguyên nhân khác													
1	Nghiệp vụ bảo hiểm tai nạn con người - <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>													
2	Nghiệp vụ bảo hiểm y tế - <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>													
3	Nghiệp vụ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe - <i>Lập chi tiết theo tên từng sản phẩm theo phê chuẩn của BTC (bổ sung thêm tên thương mại nếu có)</i>													
	<b>TỔNG MỤC</b>													

**Ghi chú:** Số tại thời điểm báo cáo là số lũy kế.  
 Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
*(Ký và đóng dấu)*



Mẫu số 4A-SK  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO**  
**TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG TOÁN HỌC BẢO HIỂM SỨC KHỎE**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....  
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng toán học trích lập tăng trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập giảm trong kỳ		Dự phòng toán học trích lập trong kỳ		Dự phòng toán học phải trích lập cuối kỳ
		HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	HĐ khai thác mới	HĐ tái tục	
	(1)	(2)		(3)		(4) = (2) - (3)		(5)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2..... <b>Cộng:</b>								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**  
(Ký, họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Các mục 1, 2 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo từng loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm.  
- “Dự phòng toán học đã trích lập đầu kỳ”: số dư đầu kỳ của dự phòng toán học đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4B-SK  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO**  
**TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHÍ CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG BẢO HIỂM SỨC KHỎE**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng phí chưa được hưởng phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng phí chưa được hưởng trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 2. Bảo hiểm y tế - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 3. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm  <b>Cộng:</b>			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Các mục 1, 2, 3 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

- “Dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập đầu kỳ”: số dư đầu kỳ của dự phòng phí chưa được hưởng đã trích lập kỳ trước.

Mẫu số 4C-SK  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

### BÁO CÁO TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BỒI THƯỜNG

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....
- Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

#### I/ Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa được giải quyết

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 2. Bảo hiểm y tế - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 3. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm  <i>Cộng</i>			

#### II/ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng bồi thường đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng bồi thường phải trích lập cuối kỳ	Trích lập dự phòng bồi thường trong kỳ
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 2. Bảo hiểm y tế - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm 3. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân - Sản phẩm bảo hiểm nhóm  <i>Cộng</i>			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

#### Ghi chú:

- Các mục 1, 2, 3 được liệt kê theo nghiệp vụ bảo hiểm mà doanh nghiệp bảo hiểm được phép triển khai, chi tiết theo loại từng sản phẩm bảo hiểm cá nhân, bảo hiểm nhóm, theo thời hạn từ 5 năm trở xuống và trên 5 năm.

**Mẫu số 4D-SK**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư  
 số 50/2017/TT-BTC  
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO**  
**TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG BẢO ĐẢM CÂN ĐỐI**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....  
 - Báo cáo quý (năm):..... từ..... đến .....

Đơn vị: triệu đồng

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Tăng (giảm)</b>
(1)	(2)	(3)	(4) = (3) - (2)
Lợi nhuận trước thuế Dự phòng bảo đảm cân đối			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
 (Ký và đóng dấu)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

- Tên doanh nghiệp:.....

- Báo cáo quý (năm): từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

Mẫu số 5-SK  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**A. BÁO CÁO NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ**

Nguồn vốn đầu tư	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	Doanh thu đầu tư	Lợi nhuận đầu tư
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>						
1. Nguồn vốn chủ sở hữu						
2. Phần vốn chủ sở hữu tương ứng với biên khả năng thanh toán tối thiểu						
3. Phần vốn chủ sở hữu tương ứng với vốn pháp định						
4. Phần vốn chủ sở hữu để đầu tư tài chính						
- Đầu tư trong nước từ nguồn vốn chủ sở hữu						
- Đầu tư ra nước ngoài từ nguồn vốn chủ sở hữu						
<b>II. Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm:</b>						
1. Tổng dự phòng nghiệp vụ						
- Dự phòng toán học						
- Dự phòng phí chưa được hưởng						
- Dự phòng bồi thường						
- Dự phòng chia lãi						
- Dự phòng đảm bảo lãi suất cam kết						
- Dự phòng bảo đảm cân đối						
2. Gửi tại các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam để trả tiền bảo hiểm thường xuyên trong kỳ						
3. Nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm						
<b>III. Tổng số tiền đầu tư</b>						

Ghi chú: Số liệu về doanh thu đầu tư và lợi nhuận hoạt động đầu tư đề nghị là số lũy kế tính tới thời điểm lập báo cáo





Mẫu số 6-SK  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....

- Báo cáo tháng, quý (năm)..... từ..... đến.....

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Giá trị hạch toán	Tỷ lệ loại trừ	Giá trị loại trừ tính biên khả năng thanh toán
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả			
2. Các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán			
a) Tiền mặt, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, tiền đang chuyển, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, trái phiếu kho bạc, công trái xây dựng tổ quốc, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh không hạn chế		0%	
b) Tài sản tái bảo hiểm (trừ tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm)		0%	
3. Các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán			
a) Các tài sản đầu tư:			
+ Trái phiếu doanh nghiệp có đảm bảo		1%	
+ Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm;		3%	
+ Cổ phiếu được niêm yết, chứng chỉ quỹ;		15%	
+ Cổ phiếu không được niêm yết;		20%	
+ Đầu tư vào bất động sản do chính doanh nghiệp sử dụng;		8%	
+ Đầu tư vào bất động sản cho thuê;		15%	
+ Vốn góp vào các doanh nghiệp khác (trừ vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm từ nguồn vốn chủ sở hữu)		20%	
b) Các khoản phải thu:			
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ chín mươi (90) ngày đến dưới 1 năm;		30%	
+ Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm sau khi trừ đi các khoản trích lập dự phòng nợ khó đòi tương ứng theo quy định của pháp luật;		50%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 90 ngày đến dưới 01 năm: loại trừ 30%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%;		30%	
+ Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm: loại trừ 50%. Trường hợp kết quả bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả âm (-): loại trừ 0%.		50%	
c) Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất và hàng tồn kho.		25%	
d) Tài sản khác.		15%	
4. Các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán:			
a) Các khoản vốn góp để thành lập doanh nghiệp bảo hiểm khác khác từ nguồn vốn chủ sở hữu;		100%	
b) Các khoản nợ không có khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật;		100%	
c) Tài sản cố định vô hình trừ phần mềm máy tính, quyền sử dụng đất;		100%	
d) Chi phí trả trước, các khoản tạm ứng (trừ tạm ứng từ giá trị hoàn lại), trang thiết bị và đồ dùng văn phòng, các khoản phải thu nội bộ;		100%	
đ) Phải thu phí bảo hiểm gốc quá hạn trên 02 năm;		100%	



e) Phải thu liên quan đến hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm (sau khi bù trừ các khoản phải thu, phải trả của cùng một tổ chức nhượng, nhận tái bảo hiểm trong cùng kỳ đối chiếu) quá hạn từ 02 năm trở lên;		100%	
g) Các khoản đầu tư trở lại cho cổ động (thành viên) góp vốn hoặc người có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, trừ tiền gửi tại các tổ chức tín dụng;		100%	
h) Các khoản đầu tư gián tiếp nước ngoài chưa thu hồi được trong vòng 01 năm kể từ khi quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài có hiệu lực;		100%	
i) Các khoản đầu tư vào các tài sản vượt quá hạn mức quy định của pháp luật;		100%	
k) Tài sản tái bảo hiểm tương ứng với dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm không tuân thủ quy định của pháp luật về nhượng tái bảo hiểm.		100%	
5. Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp			
6. Biên khả năng thanh toán tối thiểu - Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 5 năm trở xuống - Đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 5 năm			
7. So sánh 5 và 6:			- Theo số tuyệt đối - Theo tỷ lệ %

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**

(Ký, họ tên)

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 7-SK  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO ASEAN**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm: .....  
- Báo cáo năm..... từ..... đến .....

**I. BÁO CÁO NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM**

Đơn vị: nghìn USD

Tiêu chí	Số lượng hợp đồng	Số lượng chứng nhận bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm
<b>A. HỢP ĐỒNG KHAI THÁC MỚI</b>			
a) Bảo hiểm cá nhân			
i. Bảo hiểm tai nạn con người			
ii. Bảo hiểm y tế			
iii. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe			
b) Bảo hiểm nhóm			
<b>TỔNG SỐ</b>			
<b>B. HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CÓ HIỆU LỰC</b>			
a) Bảo hiểm cá nhân			
i. Bảo hiểm tai nạn con người			
ii. Bảo hiểm y tế			
iii. Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe			
b) Bảo hiểm nhóm			
<b>TỔNG SỐ</b>			

**II. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: nghìn USD

TÀI SẢN	Số tiền	CÔNG NỢ VÀ NGUỒN VỐN	Số tiền
Trái phiếu chính phủ		Vốn và các quỹ	
Tài sản cố định		Vốn điều lệ đã góp	
Bất động sản		Các quỹ	
Đầu tư vào bất động sản		Dự phòng đánh giá lại tài sản	
Tài sản cố định khác		Thặng dư quỹ chủ hợp đồng chưa chia	
Cho vay thế chấp		Dự phòng nghiệp vụ	
Chứng khoán doanh nghiệp có lãi suất cố định		Dự phòng toán học	
Cổ phiếu và các chứng khoán khác		Dự phòng phí	
Cho vay theo hợp đồng bảo hiểm		Dự phòng bồi thường	
Các khoản cho vay khác		Dự phòng khác	
Tiền		Thấu chi ngân hàng	
Tiền gửi ngân hàng		Bồi thường phải trả	
Tiền mặt và tài khoản thanh toán		Nợ thuế	
Các khoản đầu tư khác		Chi phí bảo hiểm dồn tích	
Thuế được hoàn trả		Đặt cọc phí bảo hiểm	
Phải thu phí bảo hiểm		Phải trả DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm	
Phải thu từ DNBH/doanh nghiệp tái bảo hiểm		hiểm	
Các tài sản khác		Công nợ khác	
<b>Tổng tài sản</b>		<b>Tổng công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu</b>	

**III. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị: nghìn USD

<b>Mục</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số tiền</b>
1	Thu nhập phí bảo hiểm ròng	
2	Thu nhập đầu tư ròng	
3	Thu nhập khác	
4	Tổng (1+2+3)	
5	Quyền lợi bảo hiểm phát sinh a. Đáo hạn b. Tử vong c. Trả giá trị hoàn lại d. Trả tiền định kỳ đ. Khác	
6	Tặng (giảm) dự phòng nghiệp vụ	
7	Tổng (5+6)	
8	Hoa hồng	
9	Thuế, phí và lệ phí	
10	Chi phí chung cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm	
11	Chi phí khác	
12	Tổng (7+8+9+10+11)	
13	Thu nhập ròng từ hoạt động kinh doanh chưa tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (4-12)	
14	Lãi và lỗ từ vốn đã được thực hiện	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
16	Cổ tức trả cho cổ đông	
17	Các khoản phân bổ khác	
18	Tổng (15+16+17)	
19	Thu nhập ròng đã tính đến các khoản lãi và lỗ từ vốn, thuế thu nhập doanh nghiệp, cổ tức trả cổ đông và các khoản phân bổ khác (13+14-18)	

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

**BÁO CÁO THEO DỐI RIÊNG DOANH THU, CHI PHÍ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM  
THEO TỪNG LOẠI NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM**

**Mẫu số 8-SK**

(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....
- Báo cáo quý:..... từ..... đến.....
- I. Trình bày chính sách ghi nhận**
- 1. Nguyên tắc phân bổ doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:**

  - Loại doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....
  - Tiêu thức phân bổ doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....

- 2. Nguyên tắc phân bổ chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:**

  - Loại chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....
  - Tiêu thức phân bổ chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm:.....

**II. Kết quả hoạt động kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Bảo hiểm tai nạn con người	Bảo hiểm y tế	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe	Tổng cộng
<b>I. Doanh thu phí bảo hiểm (I)=(3)+(4)+(5)</b> 1. Doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái - Phí bảo hiểm gốc - Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc (giảm phí, hoàn phí bảo hiểm gốc) - Phí nhận tái bảo hiểm - Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm) - Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm 2. Phí nhượng tái bảo hiểm - Tổng phí nhượng tái bảo hiểm - Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm 3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (3)=(1)-(2) 4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm - Giảm trừ hoa hồng (Hoàn hoa hồng, giảm hoa hồng) 5. Thu khác hoạt động bảo hiểm				
<b>II. Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (II)=(5)+(6)+(7)</b> 1. Chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái - Tổng chi bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái - Các khoản thu giảm chi (Thu đơi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%) 2. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm				

Chỉ tiêu	Bảo hiểm tai nạn con người	Bảo hiểm y tế	Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe	Tổng cộng
3. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm 4. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm 5. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (5)=(1)+(2)-(3)+(4)-(5) 6. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm - Chi hoa hồng bảo hiểm - Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm - Chi quản lý đại lý bảo hiểm - Chi đề phòng, hạn chế tổn thất - Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định (chi lập quỹ bảo vệ người được bảo hiểm,...) - Chi khác 7. Chi quản lý doanh nghiệp <b>III. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm (III)=(I)-(II)</b>				

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, họ tên)

**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**  
(Ký, họ tên)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Mẫu số 10-SK**  
 (Ban hành kèm theo Thông tư  
 số 50/2017/TT-BTC  
 ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO CỦA CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm:.....

- Thời kỳ báo cáo: Từ 01/01/năm... đến 31/12/năm...

### I. BÁO CÁO VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM

#### 1. Về cơ cấu sản phẩm:

##### 1.1. Báo cáo về sản phẩm:

Tên sản phẩm	Tình trạng (*)	Tỷ trọng theo doanh thu (%)	Tỷ trọng theo số lượng hợp đồng khai thác mới (%)
1. Bảo hiểm tai nạn con người - Sản phẩm bảo hiểm cá nhân + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm A . Sản phẩm B..... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: . Sản phẩm C . Sản phẩm D.... - Sản phẩm bảo hiểm nhóm + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn 5 năm trở xuống: . Sản phẩm E . Sản phẩm F.... + Sản phẩm bảo hiểm thời hạn trên 5 năm: 2....			

(\*): Tình trạng là một trong 3 tình trạng sau:

- Ngừng triển khai trong kỳ
- Mới triển khai trong kỳ

- Đang triển khai: đối với các sản phẩm đã bắt đầu triển khai từ những kỳ trước và vẫn tiếp tục được triển khai.

1.2. Nhận xét, đánh giá của Chuyên gia tính toán về sự thay đổi cơ cấu sản phẩm của doanh nghiệp trong kỳ

**2. Đánh giá các giả định tính phí và tính dự phòng:**

Giả định tính phí

Tên sản phẩm	Giả định tính phí đang áp dụng					Thực tế tại doanh nghiệp					Chênh lệch giữa thực tế và giả định					Ghi chú
	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ từ vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ năm viện	(...)	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ từ vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ năm viện	(...)	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ từ vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ năm viện	(...)	
Sản phẩm A																
.....																

Giả định tính dự phòng

Tên sản phẩm	Các thay đổi đã được phê chuẩn trong năm (**)					Cơ sở tính dự phòng hiện tại					Ghi chú (***)
	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ từ vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ năm viện	(...)	Lãi suất (nếu có)	Bảng tỷ lệ từ vong	Bảng tỷ lệ thương tật	Bảng tỷ lệ năm viện	(...)	
Sản phẩm A											
.....											

(\*): các giả định khác

(\*\*): Các thay đổi trong giả định tính dự phòng đã được Bộ Tài chính phê chuẩn trong năm và sẽ được áp dụng trong năm kế tiếp.

(\*\*\*) Phần ghi chú để trình bày cơ sở của các thay đổi này (ví dụ: trên cơ sở các thông kê từ tỷ lệ thực tế của công ty, các nghiên cứu, thống kê được công bố, các tỷ lệ cung cấp của công ty tái bảo hiểm...).

Nhận xét, đánh giá của chuyên gia tính toán về tính hợp lý của các giả định mới áp dụng.

**3. Doanh thu phí và tỷ lệ trả tiền bảo hiểm**

Tên sản phẩm	Tổng doanh thu phí trong kỳ (A)	Tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm trong kỳ (B)	Tỷ lệ B/A (%)
Sản phẩm A			
.....			

**II. BÁO CÁO VỀ BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN**

- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp đầu kỳ (C):
- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp đầu kỳ (D):
- So sánh C và D (theo số tuyệt đối và tỷ lệ C/D):



- Biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp cuối kỳ (E):
- Biên khả năng thanh toán tối thiểu của doanh nghiệp cuối kỳ (F):
- So sánh E/F:
- Nhận xét của Chuyên gia tính toán về khả năng thanh toán của doanh nghiệp và sự thay đổi biên khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

### **III. BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ**

- Chính sách, quy trình, và kiểm soát của công ty liên quan đến hoạt động đầu tư của các quỹ.

- Phương thức định giá tài sản cho từng loại hình tài sản đầu tư.

Đối với các nội dung chính trên, Chuyên gia tính toán dự phòng cần nêu ra ý kiến của mình về sự tương thích của chính sách đầu tư hiện hành với bản chất hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong từng quỹ. Nếu Chuyên gia tính toán nhận thấy chính sách hiện hành không thích hợp, Chuyên gia tính toán cần nêu ra đề xuất để khắc phục.

Tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

..., ngày... tháng... năm...  
**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN**  
(Ký và ghi rõ tên)





Nghịệp vụ bảo hiểm	Số phí bảo hiểm, tái bảo hiểm đã thu xếp (triệu đồng)				Số phí bảo hiểm, tái bảo hiểm (triệu đồng)				Hoa hồng môi giới bảo hiểm, tái bảo hiểm (triệu đồng)																		
	Phi bảo hiểm gốc				Phi tái bảo hiểm				Hoa hồng môi giới bảo hiểm gốc																		
	Trong kỳ				Trong kỳ				Trong kỳ																		
	Khách hàng trong nước	Khách hàng nước ngoài	Trong nước	Trong nước ngoài	Trong nước	Trong nước ngoài	Trong nước	Trong nước ngoài	Trong nước	Trong nước ngoài	Trong nước	Trong nước ngoài	Lũy kế	Tổng số													
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	
<i>b. Bảo hiểm liên kết đơn vị</i>																											
7. Bảo hiểm hưu trí																											
<b>B. Hợp đồng bảo hiểm</b>																											
1. Hợp đồng chính																											
2. Hợp đồng bổ trợ																											

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật.

..... ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
*(Ký và đóng dấu)*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Chú thích:**

- (2) Số tiền bảo hiểm thu xếp qua môi giới gốc khách hàng trong nước: Là số tiền bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm gốc thu xếp cho đối tượng khách hàng tại Việt Nam;
  - (3) Số tiền bảo hiểm thu xếp qua môi giới gốc khách hàng nước ngoài: Là số tiền bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm gốc thu xếp cho đối tượng khách hàng tại nước ngoài;
  - (4), (16) Môi giới bảo hiểm gốc trong nước: Là hợp đồng bảo hiểm thu xếp cho khách hàng tại Việt Nam với doanh nghiệp bảo hiểm gốc tại Việt Nam;
  - (5), (17) Môi giới bảo hiểm gốc nhận từ nước ngoài: Là hợp đồng bảo hiểm thu xếp cho khách hàng tại nước ngoài với doanh nghiệp bảo hiểm gốc tại Việt Nam;
  - (6), (18) Môi giới bảo hiểm gốc ra nước ngoài: Là hợp đồng bảo hiểm thu xếp cho khách hàng tại Việt Nam với doanh nghiệp bảo hiểm gốc tại nước ngoài (tham gia việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới);
  - (7), (19) Môi giới bảo hiểm gốc ở nước ngoài: Là hợp đồng bảo hiểm thu xếp cho khách hàng tại nước ngoài với doanh nghiệp bảo hiểm gốc tại nước ngoài (trường hợp mở rộng địa bàn hoạt động ra ngoài lãnh thổ Việt Nam);
  - (10), (22) Môi giới tái bảo hiểm trong nước: Là hợp đồng tái bảo hiểm thu xếp giữa bên nhượng tái là doanh nghiệp bảo hiểm (tái bảo hiểm) tại Việt Nam và bên nhận tái là doanh nghiệp tái bảo hiểm (bảo hiểm) tại Việt Nam;
  - (11), (23) Môi giới tái bảo hiểm nhận từ nước ngoài: Là hợp đồng tái bảo hiểm thu xếp giữa bên nhượng tái là doanh nghiệp bảo hiểm (tái bảo hiểm) tại nước ngoài và bên nhận tái là doanh nghiệp tái bảo hiểm (bảo hiểm) tại nước ngoài;
  - (12), (24) Môi giới tái bảo hiểm ra nước ngoài: Là hợp đồng tái bảo hiểm thu xếp giữa bên nhượng tái là doanh nghiệp bảo hiểm (tái bảo hiểm) tại Việt Nam và bên nhận tái là doanh nghiệp tái bảo hiểm (bảo hiểm) tại nước ngoài;
  - (13), (25) Môi giới tái bảo hiểm ở nước ngoài: Là hợp đồng tái bảo hiểm thu xếp giữa bên nhượng tái là doanh nghiệp bảo hiểm (tái bảo hiểm) tại nước ngoài và bên nhận tái là doanh nghiệp tái bảo hiểm (bảo hiểm) tại nước ngoài;
  - (8), (14)/(20), (26) Tổng số: Tổng số phí bảo hiểm/hoa hồng môi giới bảo hiểm thu xếp trong kỳ báo cáo;
  - (9), (15)/(21), (27) Lũy kế: Tổng số phí bảo hiểm/hoa hồng môi giới bảo hiểm tính từ thời điểm đầu năm tài chính đến cuối kỳ báo cáo.
- Đối với phần III Bảo hiểm nhân thọ, thực hiện thống kê theo cả 2 tiêu chí Nghiệp vụ bảo hiểm (A) và Hợp đồng bảo hiểm (B).

**Mẫu số 2-MGBH**  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI BẢO HIỂM

- Tên doanh nghiệp:.....
- Kỳ báo cáo:..... từ..... đến.....

Nội dung hoạt động môi giới bảo hiểm	Đối tượng khách hàng							
	Khách hàng ở trong nước				Khách hàng ở nước ngoài			
	Số lượng khách hàng	Số lượng hợp đồng bảo hiểm thu xếp	Phí bảo hiểm thu xếp (triệu đồng)	Doanh thu (triệu đồng)	Số lượng khách hàng	Số lượng hợp đồng bảo hiểm thu xếp	Phí bảo hiểm thu xếp (triệu đồng)	Doanh thu (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I. Hoạt động môi giới bảo hiểm gốc								
II. Hoạt động môi giới tái bảo hiểm								
III. Hoạt động môi giới khác								

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

**Mẫu số 3-MGBH**  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO**  
**THAM GIA HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO HIỂM QUA BIÊN GIỚI**

- Tên doanh nghiệp:.....
- Kỳ báo cáo:..... từ..... đến.....

Tổ chức cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới	Loại hình nghiệp vụ bảo hiểm	Số lượng hợp đồng bảo hiểm cung cấp qua biên giới	Phí bảo hiểm (triệu đồng)
Tên tổ chức 1	1. Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại - Trong đó: <i>Bảo hiểm bắt buộc công trình trong thời gian xây dựng</i>		
	2. Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển		
	3. Bảo hiểm hàng không		
	4. Bảo hiểm xe cơ giới a. <i>Bảo hiểm bắt buộc</i> b. <i>Bảo hiểm tự nguyện</i>		
	5. Bảo hiểm cháy, nổ a. <i>Bảo hiểm bắt buộc</i> b. <i>Bảo hiểm tự nguyện</i>		
	6. Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu		
	7. Bảo hiểm trách nhiệm Trong đó: - <i>Bảo hiểm trách nhiệm trong khám, chữa bệnh</i> - <i>Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng</i> - <i>Bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động thi công trên công trường</i>		
	8. Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính		
	9. Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh		
	10. Bảo hiểm nông nghiệp		
	11. Bảo hiểm bảo lãnh		
Tên tổ chức 2	Báo cáo tương tự theo từng loại nghiệp vụ bảo hiểm		
....			
	<b>Tổng cộng</b>		

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

**Mẫu số 1-ĐLBH**  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO DANH SÁCH ĐẠI LÝ BẢO HIỂM  
VI PHẠM QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài:.....
- Kỳ báo cáo:..... từ..... đến.....

STT	Họ và tên đại lý bảo hiểm	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân)/ Mã số thuế (đối với tổ chức)	Chứng chỉ đại lý bảo hiểm		Hợp đồng đại lý bảo hiểm		Ngày thời việc	Vi phạm quy định
				Số	Ngày	Số	Ngày		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>A</b>	<b>ĐẠI LÝ CÁ NHÂN</b>								
A1									
A2									
<b>B</b>	<b>ĐẠI LÝ TỔ CHỨC</b>								
<b>B1</b>	<b>Tên tổ chức</b>								
<b>B1.1.</b>	Cá nhân thuộc tổ chức								
<b>B1.2.</b>									
<b>B2</b>	<b>Tên tổ chức</b>								
<b>B2.1.</b>	Cá nhân thuộc tổ chức								
<b>B2.2.</b>									

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

..., ngày... tháng... năm...  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

**Mẫu số 1-QPPF**  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO TRÍCH NỘP QUỸ NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài:.....

- Báo cáo năm..... từ..... đến.....

### 1. Tổng doanh thu phí bảo hiểm giữ lại của các hợp đồng bảo hiểm gốc trong năm tài chính

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nghệp vụ bảo hiểm	Phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm gốc (sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí bảo hiểm)	Nhượng tái bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm gốc (sau khi đã trừ giảm phí, hoàn phí bảo hiểm)	Phí bảo hiểm giữ lại của các hợp đồng bảo hiểm gốc
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nghệp vụ bảo hiểm sức khỏe			
2	Nghệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ			
3	Nghệp vụ bảo hiểm nhân thọ			
	Tổng			

Chỉ tiêu (5) là kết quả chênh lệch giữa chỉ tiêu (3) và chỉ tiêu (4).

### 2. Tổng số tiền phải trích nộp quỹ Bảo vệ người được bảo hiểm trong năm

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng.... năm  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**Mẫu số 1-CBTT**  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm:.....
- Năm báo cáo:.....

**I. Lịch sử hoạt động của doanh nghiệp, chi nhánh**

- Những sự kiện quan trọng:
  - + Việc thành lập
  - + Các sự kiện khác
- Quá trình phát triển
  - + Ngành nghề kinh doanh
  - + Tình hình hoạt động
- Định hướng phát triển
  - + Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp
  - + Chiến lược phát triển trung và dài hạn

**II. Báo cáo của Hội đồng quản trị** (đối với doanh nghiệp có hội đồng quản trị trong cơ cấu tổ chức)

- Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm và tình hình tài chính tại thời điểm cuối năm
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)
- Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh...)
- Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

**III. Báo cáo của Ban giám đốc****1. Báo cáo tình hình tài chính**

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán
- Phân tích những biến động, thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động
- Những thay đổi về vốn chủ sở hữu

**2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động kinh doanh trước đây

**IV. Báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

**V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán****1. Kiểm toán độc lập**

- Đơn vị kiểm toán độc lập
- Ý kiến kiểm toán độc lập
- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý)

**2. Kiểm toán nội bộ**

- Ý kiến kiểm toán nội bộ
- Các nhận xét đặc biệt

**VI. Các bên có liên quan**

- Công ty nắm giữ trên 50% cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty
- Công ty có trên 50% cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

**VII. Tổ chức và nhân sự**

- Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài
- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành
- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm
- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động
- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên)

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên đây là đúng sự thật.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 2-CBTT  
(Ban hành kèm theo Thông tư  
số 50/2017/TT-BTC  
ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT**

- Tên doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài:.....  
- Kỳ báo cáo:..... từ..... đến.....

**I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
	<b>TÀI SẢN</b>		
<b>I</b>	<b>Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>		
1	Tiền		
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu		
4	Tài sản lưu động khác		
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn</b>		
1	Tài sản cố định		
	- Nguyên giá		
	- Khấu hao lũy kế		
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
3	Ký quỹ		
4	Tài sản khác		
<b>III</b>	<b>Tổng tài sản</b>		
	<b>CÔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		
<b>IV</b>	<b>Công nợ</b>		
1	Nợ ngắn hạn		
2	Nợ dài hạn		
3	Nợ khác		
4	Dự phòng nghiệp vụ		
<b>V</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>		
1	Nguồn vốn kinh doanh		
2	Các quỹ		
3	Lợi nhuận chưa phân phối		
4	Nguồn vốn khác		
<b>VI</b>	<b>Tổng công nợ và vốn chủ sở hữu</b>		

**I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kỳ trước	Kỳ này
1	<b>Tổng doanh thu</b>		
	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm		
	Doanh thu về hoạt động tài chính		
	Doanh thu khác		
2	<b>Tổng chi phí</b>		
	Chi phí từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm, môi giới bảo hiểm		

	Chi phí hoạt động tài chính		
	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Chi phí khác		
3	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		
4	<b>Thuế thu nhập phải nộp</b>		
5	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		

### III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b> - Tài sản cố định/Tổng tài sản - Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%		
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b> - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu	%		
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b> - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	%		
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b> - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%		

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
(Ký và đóng dấu)